

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC - TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2025/DS-ST

Ngày: 07-8-2025

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Quân

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Quốc Huỳnh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 - Tây Ninh

Trong ngày 07 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 112/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2025; Thông báo về việc dời lịch phiên tòa số 07/TB-TA ngày 01 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp H, xã H, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ cũ: ấp H, xã B, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Trần Văn K, sinh năm: 1982; địa chỉ: ấp H, xã H, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ cũ: ấp H, xã B, huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

2. *Bị đơn:* ông Trương Ngọc K1, sinh năm 1962 và anh Trương Hoài K2 sinh năm: 1992; địa chỉ: ấp H, xã H, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ cũ: ấp H, xã B, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt mà không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời trình bày tại Tòa án của nguyên đơn như sau:

Vào ngày 22 tháng 9 năm 2023, ông Trương Ngọc K1 và anh Trương Hoài K2 đã vay của ông H số tiền là 450.000.000đ (bốn trăm năm mươi triệu đồng) với lãi suất 1,5% /tháng, thời hạn vay là 01 năm. Khi vay ông K2 và anh K1 có lập biên nhận và hứa trả lãi cho ông H hằng tháng nhưng đến nay ông K2 và anh K1 không thực hiện trả gốc và lãi đúng như thoả thuận. Ông K2 và anh K1 chỉ có trả được 5.000.000 đồng tiền lãi. Ông H đã nhờ ban H1 vào ngày 25/4/2024, ông K2 và anh K1 có hứa trả trước cho ông H 07 tháng lãi đã nợ với số tiền lãi là 47.250.000 đồng, thời gian trả trong 01 tháng (đến ngày 22/4/2024). Đến tháng 5 năm 2024 thì tiếp tục trả lãi hàng tháng. Tuy nhiên, khi hết thời hạn vay theo thoả thuận thì ông K1 và anh K2 không trả lại số tiền nợ gốc đã vay và tiền lãi theo thoả thuận.

Ông Nguyễn Thanh H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trương Ngọc K1 và anh Trương Hoài K2 phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông H số tiền lãi và gốc phát sinh tính từ ngày vay là ngày 22/9/2023 với lãi suất là 1.5%/tháng cho đến khi ông K2, anh K1 trả hết nợ cho ông H và trừ lại số tiền lãi đã trả là 5.000.000 đồng.

Về phía bị đơn là ông Trương Ngọc K1 và anh Trương Hoài K2 trình bày ý kiến:

Ông Trương Ngọc K1 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông Trương Ngọc K1 vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên hồ sơ không có thể hiện ý kiến của ông K1.

Anh Trương Hoài K2 có văn bản trình bày ý kiến thống nhất với trình bày của ông H về việc anh K2 và ông K1 có nợ ông Nguyễn Thanh H số tiền 450.000.000 đồng và đề nghị phía ông H (do ông K đại diện) cho trả nợ gốc và không tính lãi. Về thời gian trả, anh K2 đề nghị cho trả dần số tiền gốc theo vụ lúa, mỗi năm 03 lần, mỗi lần trả 30.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ gốc.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn do người đại diện hợp pháp là ông Trần Văn K trình bày, ông H có cho ông K biết ngoài số tiền trả lãi 5.000.000 đồng đã đề cập trong đơn khởi kiện thì phía ông K2 và anh K1 có trả thêm được số tiền 50.000.000 đồng. Về thời gian trả ông H không nhớ rõ cụ thể, khi trả không nói rõ là trả gốc hay trả lãi. Hiện nay ông Hòa đồng Ý trừ số tiền đã trả 02 lần là 55.000.000 đồng sau khi tính tổng tiền nợ gốc và lãi mà ông K2 và anh K1 phải trả cho ông H.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn cư trú tại ấp H, xã B, huyện T, tỉnh Long An; hiện nay địa chỉ mới sau sáp nhập là ấp H, xã T, tỉnh Tây Ninh. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, hiện nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn là ông Trương Ngọc K1 đã được Tòa án tổng đạt trực tiếp văn bản tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Anh Trương Hoài K2 là con của ông K1 trình bày ông K1 bị bệnh nên không tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án nhưng không có giao nộp chứng cứ chứng minh. Đối với anh Trương Hoài K2 có đến Tòa án trình bày ý kiến và có bản tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, tại phiên tòa, anh K2 vắng mặt mặc dù đã nhận được trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy sự vắng mặt của bị đơn không ảnh hưởng đến việc xét xử nên vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp trong vụ án:

[2.1] Về số nợ gốc: Nguyên đơn khởi kiện và có cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm có biên nhận vay ngày 22/9/2023 có ghi rõ số tiền vay 450.000.000 đồng, thời hạn trả 01 năm, lãi suất vay 1,5%/tháng, có người làm chứng. Ngoài ra, khi ông K2 và anh K1 không thực hiện trả lãi đúng thỏa thuận thì ông H đã gửi đơn đến Ban hoà giải ấp tiến hành hoà giải. Tại biên bản hoà giải thể hiện ông K1 thống nhất thỏa thuận trả lãi cho ông H. Anh Trương Hoài K2 có bản tự khai và trình bày trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh K2 thừa nhận số nợ vay của ông H là 450.000.000 đồng. Do đó, có cơ sở xác định ông Trương Ngọc K1 và anh Trương Hoài K2 có nợ ông Nguyễn Thanh H số tiền là 450.000.000 đồng. Biên nhận vay ngày 22/9/2023 có ghi thời hạn trả là 01 năm. Đến nay ông K2 và anh K1 vẫn chưa trả cho ông H nên đã vi phạm hợp đồng. Vì vậy, ông H khởi kiện yêu cầu ông K2 và anh K1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc là 450.000.000 đồng là có cơ sở.

[2.2] Về yêu cầu trả lãi:

Tại biên nhận vay có ghi rõ thời hạn vay 01 năm và ghi rõ lãi vay là 1,5%/tháng. Do đó, đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi. Ông K2 và anh K1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn nên vi phạm nghĩa vụ. Sự việc đã được Ban H1 tiến hành hoà giải, ông K1 thống nhất thỏa thuận trả trước tiền lãi đã chậm trả trong 07 tháng cho ông H đến thời điểm hoà giải, thời gian trả 01 tháng sau ngày hoà giải với số tiền

lãi là 47.250.000 đồng, sau đó tiếp tục trả lãi hàng tháng. Tuy nhiên, phía ông K1 và anh K2 không thực hiện trả đúng thoả thuận. Đến nay đã quá thời hạn thanh toán nợ theo hợp đồng vay nhưng ông K2 và anh K1 không trả đủ nợ gốc và lãi là vi phạm hợp đồng. Biên nhận vay có ghi rõ lãi suất 1,5%/tháng, mức lãi suất 02 bên thoả thuận là phù hợp quy định của pháp luật. Vì vậy, ông H yêu cầu ông K2 và anh K1 phải trả lãi cho ông H là có căn cứ. Anh K2 có văn bản đề nghị được trả gốc, xin không trả lãi nhưng không được sự đồng ý của phía nguyên đơn. Ông K là người đại diện hợp pháp của ông H xác định số tiền cho ông K1 và anh K2 vay ông H vay ngân hàng, phải xoay sở bên ngoài để trả lãi cho ngân hàng nên không thể giảm hoặc miễn tính lãi cho bị đơn. Do đó, ông H yêu cầu ông K1 và ông K2 trả lãi theo mức lãi suất 1,5%/tháng, thời gian tính lãi tính từ ngày vay là có cơ sở chấp nhận.

Tiền lãi như sau:

Từ ngày 22/9/2023 đến ngày xét xử (07/8/2025) là 22 tháng 15 ngày x 450.000.000đ x 1,5%/tháng, tiền lãi là 151.875.000đ (một trăm năm mươi một triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Tổng cộng gốc và lãi anh K2 và ông K1 có nghĩa vụ trả cho ông H tính đến ngày xét xử (07/8/2025) là 601.875.000đ (sáu trăm lẻ một triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

[2.3] Về khấu trừ tiền đã trả:

Ông Trần Văn K, là người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Thanh H xác định phía ông K1 và anh K2 có trả được cho ông H 5.000.000 đồng tiền lãi thời gian trước khi hoà giải tại ấp, sau đó có trả thêm số tiền 50.000.000 đồng sau ngày hoà giải tại ấp nhưng không nhớ rõ thời gian nào do không có lập biên nhận, không rõ trả gốc hay lãi. Xét thấy, tại biên bản hoà giải ấp ông K1 có thống nhất thoả thuận trả trước số tiền lãi là 47.250.000 đồng cho ông H cho đến ngày 22/4/2024. Vì vậy, đề nghị của ông H về việc trừ số tiền đã trả là 55.000.000 đồng vào tổng số tiền nợ gốc và lãi anh K2 và ông K1 nợ tính đến thời xét xử, số tiền còn lại anh K2 và ông K1 có nghĩa vụ trả là có cơ sở nên được chấp nhận.

Như vậy, cần buộc anh K2 và ông K1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ cho ông H là: 601.875.000đ - 55.000.000đ = 546.875.000đ (năm trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

[2.4] Về thời hạn trả:

Anh K1 có đề nghị được trả nợ gốc, không tính lãi và trả dần mỗi năm trả 03 lần, mỗi lần trả 30.000.000 đồng nhưng ông H không đồng ý. Vì vậy, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông H có quyền liên hệ cơ quan thi hành án để thi hành bản án theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Bị đơn là anh Trương Hoài K2 và ông Trương Ngọc K1 phải chịu án

phí tương ứng với nghĩa vụ phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, ông Trương Ngọc K1 là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được chấp nhận cho miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Anh Trương Hoài K2 phải chịu án phí tương ứng với nghĩa vụ phải trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 173, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 Bộ Luật tố tụng dân sự; các điều 288, 357, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H:

Buộc anh Trương Hoài K2 và ông Trương Ngọc K1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh H số tiền nợ 546.875.000đ (năm trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm trả: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

3.1. Ông Nguyễn Thanh H không phải chịu án phí nên được trả lại tiền số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.937.500đ (mười hai triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0003936 ngày 05/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh, hiện nay là Phòng Thi hành án khu vực 2 - Tây Ninh.

3.2. Anh Trương Hoài K2 có nghĩa vụ chịu án phí là 12.937.510đ (mười hai triệu chín trăm ba mươi ba bảy nghìn năm trăm mười đồng).

Ông Trương Ngọc K1 được miễn án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh
- VKSND khu vực 2 - Tây Ninh;
- Phòng Thi hành án khu vực 2 - Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Ánh